

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 30

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Kha	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Hảo	Thành viên
Ông Trần Văn Quỳnh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Dũng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 033013/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại ngày 15 tháng 02 năm 2023.



Nguyễn Hoàng Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Lê Quốc Anh, consisting of a stylized 'L' followed by 'Quo' and 'Anh'.

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.932.993.552.968	2.481.005.976.701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.851.758.408	19.273.700.967
1. Tiền	111		27.551.758.408	5.273.700.967
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.300.000.000	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	11.000.000.000	32.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.818.458.457.420	2.361.935.955.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	696.064.318.284	1.741.103.622.979
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.536.956.512.551	41.245.375.880
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	660.619.431.225	654.768.761.457
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(75.181.804.640)	(75.181.804.640)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	20.887.939.085	41.179.224.742
1. Hàng tồn kho	141		27.977.752.483	48.173.453.747
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.089.813.398)	(6.994.229.005)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.795.398.055	26.617.095.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	207.348.548	136.308.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.261.203.852	25.978.093.484
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	1.326.845.655	502.693.603
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.059.656.098.346	1.104.524.606.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.027.000.000	7.027.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7.027.000.000	7.027.000.000
II. Tài sản cố định	220		18.743.013.767	23.029.820.689
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.884.472.913	21.073.338.579
- Nguyên giá	222		91.016.721.187	101.072.160.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.132.248.274)	(79.998.822.348)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.858.540.854	1.956.482.110
- Nguyên giá	228		3.915.426.876	3.915.426.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.056.886.022)	(1.958.944.766)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		476.856.893.411	424.269.077.144
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	476.856.893.411	424.269.077.144
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	1.495.626.138.447	585.560.165.717
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.089.250.309.060	364.109.145.060
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		407.531.584.800	222.411.436.800
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.155.755.413)	(960.416.143)
V. Tài sản dài hạn khác	260		61.403.052.721	64.638.543.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	61.403.052.721	64.638.543.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.992.649.651.314	3.585.530.583.401

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.353.586.513.880	955.256.266.259
I. Nợ ngắn hạn	310		1.433.224.854.017	826.672.280.023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.772.034.278	652.127.325.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14b	1.240.043.913.013	31.687.865.318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	5.744.118.842	6.851.202.858
4. Phải trả người lao động	314		1.113.473.960	831.585.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	33.932.433.676	17.934.646.637
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	84.873.626.916	83.959.362.557
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	700.733.310	235.770.970
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	29.218.408.983	29.218.408.983
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.826.111.039	3.826.111.039
II. Nợ dài hạn	330		920.361.659.863	128.583.986.236
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	920.361.659.863	81.693.664.658
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	46.890.321.578
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.639.063.137.434	2.630.274.317.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.639.063.137.434	2.630.274.317.142
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.422.939.000.000	1.422.939.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.063.991.250.000	1.063.991.250.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.132.887.434	143.344.067.142
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối năm trước	421a		143.344.067.142	96.251.352.795
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.788.820.292	47.092.714.347
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.992.649.651.314	3.585.530.583.401

Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng

Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.719.576.252.339	1.129.866.869.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	587.873.088	2.721.491.486
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.718.988.379.251	1.127.145.377.606
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.719.608.454.886	1.116.711.021.471
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(620.075.635)	10.434.356.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	125.868.863.644	143.315.016.013
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.392.432.162	33.892.154.122
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	7.908.002.357	9.562.794.277
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	22.638.297.562	51.552.189.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.310.055.928	58.742.234.130
11. Thu nhập khác	31		251.042.510	1.262.301.231
12. Chi phí khác	32		772.278.146	8.511.626.136
13. Lợi nhuận khác	40		(521.235.636)	(7.249.324.905)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.788.820.292	51.492.909.225
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	4.400.194.878
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.788.820.292	47.092.714.347
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	62	331


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu
Ngày 30 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.788.820.292	51.492.909.225
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.315.206.908	6.305.412.672
Các khoản dự phòng	03	290.923.663	30.994.174.624
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	102.839.382	(7.485.944)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.473.804.883)	(71.992.255.173)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(22.976.014.638)	16.792.755.404
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(460.629.764.164)	925.066.506.447
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	20.195.701.264	(2.114.044.167)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.464.486.573.781	(784.446.488.588)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.164.450.110	2.803.471.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.781.024.550)	(883.411.106)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	999.459.921.803	157.218.789.181
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(68.101.196.285)	(112.027.307.184)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(16.000.000.000)	(51.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	24	37.000.000.000	24.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(910.261.312.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.473.804.883	33.049.784.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(919.888.703.402)	(105.977.522.895)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.660.660.758	29.218.408.983
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(54.550.982.336)	(68.907.526.798)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.890.321.578)	(39.689.117.815)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	32.680.896.823	11.552.148.471
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.273.700.967	7.721.552.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(102.839.382)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	51.851.758.408	19.273.700.967


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, nông sản, ngày 04 tháng 01 năm 2016 Tổng Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần.

Hiện nay, Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 8 ngày 13 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.422.939.000.000 đồng (một ngàn, bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 12 tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh hàng hóa nông sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các công ty liên kết và các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Hợp sắt TOVECAN	TP HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp
2	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	Hà Nội	36,10%	Đầu tư tài chính
3	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	Hà Nội	36,00%	Xây dựng, vật liệu
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	Đồng Nai	32,36%	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát
5	Công ty Cổ phần Liên Hiệp XNK và Đầu Tư Hà Nội	Hà Nội	50,00%	Xuất nhập khẩu
6	Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà	Bắc Ninh	25,17%	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát
7	Công ty Cổ phần XNK Hạt Điều và Hàng Nông sản Thực Phẩm TP HCM	TP HCM	42,77%	Sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm

Các đơn vị trực thuộc

- 1 Công ty Giống Rau quả Trung ương- Chi nhánh TCT Rau quả, nông sản- Công ty Cổ phần
- 2 Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 155 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến diện tích đất đang sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao dựa trên thời gian sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 33 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính là 10 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt, chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	181.750.243	158.784.516
Tiền gửi ngân hàng	27.370.008.165	5.114.916.451
Các khoản tương đương tiền	24.300.000.000	14.000.000.000
Cộng	51.851.758.408	19.273.700.967

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	11.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	11.000.000.000	32.000.000.000

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Nông Sản BIVC Quốc tế	104.276.181.125	490.379.181.125
Công ty CP Xuất nhập khẩu và KD Trường Thành	221.681.025.190	229.181.025.190
Công ty TNHH Đầu tư và Cung Ứng TP Thành Phát	228.602.755.480	480.624.764.990
Công ty CP Đầu tư và KD Nông sản NEWFEED	68.054.634.580	190.712.373.410
Các khách hàng khác	73.449.721.909	350.206.278.264
Cộng	696.064.318.284	1.741.103.622.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.466.955.485.619	-
Trả trước cho người bán khác	70.001.026.932	41.245.375.880
Cộng	1.536.956.512.551	41.245.375.880
Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan ☐ (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)	1.466.955.485.619	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	9.629.085.295	9.454.167.796
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân (*)	524.534.406.849	566.696.608.451
Phải thu tiền lãi chậm thanh toán	113.434.398.587	66.799.216.421
Cổ tức	990.000.000	-
Các khoản phải thu khác	12.031.540.494	11.818.768.789
Cộng	660.619.431.225	654.768.761.457
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	7.027.000.000	7.027.000.000
Cộng	7.027.000.000	7.027.000.000

(*) Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân. Theo đó, Tổng Công ty giao vốn cho các cá nhân quản lý, sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư. Thời gian hợp tác là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế với Nhà nước, hoặc theo thỏa thuận giữa 2 bên.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	134.322.760	131.276.956
Chi phí trả trước khác	73.025.788	5.031.273
Cộng	207.348.548	136.308.229
b. Dài hạn		
Tiền thuê đất	60.695.839.062	63.568.274.408
Chi phí trả trước khác	707.213.659	1.070.268.742
Cộng	61.403.052.721	64.638.543.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc có thể thu hồi VND
Công ty Chesapeake Imports LLC	3.748.659.854	-	3.748.659.854	3.748.659.854
Công ty Gomex & Gomex SA	36.880.249.061	-	36.880.249.061	36.880.249.061
Công ty Cổ phần Điều và Macadamia Tốt Nhất	27.351.425.149	-	27.351.425.149	27.351.425.149
Các khách hàng khác	7.201.470.576	-	7.201.470.576	7.201.470.576
Cộng	75.181.804.640	-	75.181.804.640	75.181.804.640

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.445.832.313	-	3.318.523.444	-
Công cụ, dụng cụ	326.327.660	-	1.326.975.005	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.202.206.888	-	4.600.864.597	-
Thành phẩm nhập kho	4.675.431.897	(2.880.213.465)	17.299.305.652	-
Hàng hoá	8.907.053.725	(4.209.599.933)	21.627.785.049	(6.994.229.005)
Cộng	27.977.752.483	(7.089.813.398)	48.173.453.747	(6.994.229.005)

ĐA -
3 CÔ
JÀ, N
3TYC
138:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quần lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	67.555.933.544	26.640.804.794	5.393.648.216	730.948.100	750.826.273	101.072.160.927
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.001.000.000	-	-	-	4.001.000.000
Mua trong năm	104.271.331	-	-	31.626.364	-	135.897.695
Thanh lý tài sản cố định	(13.717.258.570)	-	(475.078.865)	-	-	(14.192.337.435)
Số dư cuối năm	53.942.946.305	30.641.804.794	4.918.569.351	762.574.464	750.826.273	91.016.721.187
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	55.176.196.758	18.208.476.590	5.193.794.364	707.047.219	713.307.417	79.998.822.348
Khấu hao trong năm	2.182.743.896	2.926.146.684	58.187.185	27.063.518	23.124.370	5.217.265.652
Thanh lý tài sản cố định	(10.608.760.861)	-	(475.078.865)	-	-	(11.083.839.726)
Số dư cuối năm	46.750.179.793	21.134.623.274	4.776.902.684	734.110.737	736.431.786	74.132.248.274
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	12.379.736.786	8.432.328.204	199.853.852	23.900.881	37.518.856	21.073.338.579
Tại ngày cuối năm	7.192.766.512	9.507.181.520	141.666.667	28.463.727	14.394.487	16.884.472.913

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 13.616.854.746 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.167.240.925 đồng).

PHỤ LỤC
NGS
IGTY
740
1/5/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
Số dư cuối năm	642.379.800	3.273.047.076	3.915.426.876
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	642.379.800	1.316.564.966	1.958.944.766
Khấu hao trong năm	-	97.941.256	97.941.256
Số dư cuối năm	642.379.800	1.414.506.222	2.056.886.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.956.482.110	1.956.482.110
Tại ngày cuối năm	-	1.858.540.854	1.858.540.854

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 642.379.800 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 642.379.800 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án 58 Lý Thái Tổ	31.685.527.707	25.148.407.810
Dự án Tòa nhà số 02 Phạm Ngọc Thạch (*)	435.457.407.179	390.378.694.917
Dự án Tòa nhà Thương mại DV Cầu Tiên	9.713.958.525	8.741.974.417
Cộng	476.856.893.411	424.269.077.144

- (*) Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp gồm chung cư, văn phòng và kinh doanh dịch vụ thương mại, kinh doanh phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ. Quy mô xây dựng: 5 tầng hầm, 24 tầng nổi và 01 tum. Khối đế thương mại dịch vụ từ tầng 1 đến tầng 3, khối tháp căn hộ từ tầng 4 đến tầng 24. Dự án đã khởi công vào cuối quý 01 năm 2020, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Hộp sắt TOVECAN	27.719.562.751	(*)	-	27.719.562.751
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	280.356.698.900	(*)	-	280.356.698.900
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	1.155.755.413	-	1.155.755.413	1.155.755.413
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	54.877.127.996	(*)	-	54.877.127.996
Công ty Cổ phần Liên Hiệp XNK và Đầu Tư Hà Nội	257.500.000.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà	274.262.664.000	(*)	-	-
Công ty Cổ phần XNK Hạt Điều và Hàng Nông sản Thực Phẩm TP HCM	193.378.500.000	(*)	-	-
Cộng	1.089.250.309.060		1.155.755.413	364.109.145.060
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
TCT Vật Tư Nông Nghiệp - Công ty Cổ phần	99.990.000.000	(*)	-	99.990.000.000
Công ty CP Điện Cơ Thống Nhất	227.120.148.000	(*)	-	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	80.421.436.800	(*)	-	80.421.436.800
Công ty CP XNK Hạt Điều và Hàng Nông sản Thực Phẩm TP HCM	-	-	-	42.000.000.000
Cộng	407.531.584.800	-	-	222.411.436.800
				960.416.143

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết nêu trên vì các Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	-	379.984.405.260	379.984.405.260
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ Biển Ngà	2.241.728.060	2.241.728.060	162.834.816.322	162.834.816.322
Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty CP	-	-	64.842.953.640	64.842.953.640
Công ty Cổ phần Bất động sản T&T HOMES	16.323.113.046	16.323.113.046	25.547.682.922	25.547.682.922
Các khách hàng khác	15.207.193.172	15.207.193.172	18.917.467.717	18.917.467.717
Cộng	33.772.034.278	33.772.034.278	652.127.325.861	652.127.325.861
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	16.323.113.046	16.323.113.046	25.547.682.922	25.547.682.922
(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1 - Bên liên quan)				

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP XNK Lương Thực Nam Việt	221.492.014.365	221.492.014.365	-	-
Công ty CP kinh doanh TM thức ăn chăn nuôi Toàn Cầu	253.859.968.920	253.859.968.920	-	-
Công ty TNHH Đầu tư SX & TM dịch vụ Minh Long	264.129.822.130	264.129.822.130	-	-
Công ty CP Đầu tư và KD Nông sản NEWFEED	180.000.000.000	180.000.000.000	-	-
Công ty CP Điều ORGANIC BISSAU	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư SX và KD Thực phẩm Hà Nội	217.365.459.396	217.365.459.396	-	-
Các khách hàng khác	28.196.648.202	28.196.648.202	31.687.865.318	31.687.865.318
Cộng	1.240.043.913.013	1.240.043.913.013	31.687.865.318	31.687.865.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng	22.661.692	122.191.187	132.494.606	12.358.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	848.736.270	-	380.829.672	467.906.598
Thuế thu nhập cá nhân	94.024.187	66.230.295	137.825.750	22.428.732
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	361.423.506	-	361.423.506	-
Cộng	1.326.845.655	188.421.482	1.012.573.534	502.693.603

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.400.194.878	4.400.194.878
Thuế thu nhập cá nhân	3.509.350.459	7.153.622.368	3.860.511.506	216.239.597
Các khoản phải nộp khác	2.234.768.383	2.041.440	2.041.440	2.234.768.383
Cộng	5.744.118.842	7.155.663.808	8.262.747.824	6.851.202.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi chậm trả tiền hàng	33.516.150.333	16.859.837.500
Chi phí lãi vay phải trả	-	784.931.137
Các khoản chi phí khác	416.283.343	289.878.000
Cộng	33.932.433.676	17.934.646.637

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu tiền theo tiến độ dự án số 2 Phạm Ngọc Thạch	84.873.626.916	83.959.362.557
Cộng	84.873.626.916	83.959.362.557

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	119.608.910	96.783.720
Phải trả khác	581.124.400	138.987.250
Cộng	700.733.310	235.770.970
b. Phải trả dài hạn khác		
Hợp tác kinh doanh với các cá nhân (*)	913.477.599.486	74.728.895.131
Công ty CP Tân Mai	1.992.382.862	1.992.382.862
Công ty CP Thương mại và Đầu tư TIC Hà Nội	4.609.710.516	4.609.710.516
Công ty Bao bì và Xuất nhập khẩu	281.966.999	281.966.999
Cổ tức phải trả	-	80.709.150
Cộng	920.361.659.863	81.693.664.658

- (*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch. Thời gian thực hiện trong 36 tháng. Lợi tức phải trả là tiền thu được từ việc bán các căn hộ nhận hợp tác trừ đi tiền góp vốn. Nếu thời điểm kết thúc thời gian hợp tác mà việc kinh doanh các căn hộ không thành công, các cá nhân được hưởng lợi tức cố định hoặc chuyển nhượng các sản phẩm chưa bán thành công với giá thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	574.016.180.000	574.016.180.000
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	349.370.000.000	349.370.000.000
Các cổ đông khác	499.552.820.000	499.552.820.000
Cộng	1.422.939.000.000	1.422.939.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	142.293.900	142.293.900
- Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	142.293.900	142.293.900
- Cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.719.576.252.339	1.129.866.869.092
Các khoản giảm trừ doanh thu	587.873.088	2.721.491.486
Chiết khấu thương mại	108.932.450	498.498.160
Giảm giá hàng bán	192.017.930	-
Hàng bán bị trả lại	286.922.708	2.222.993.326
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.718.988.379.251	1.127.145.377.606

Trong tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần đã mua hàng của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T với tổng giá trị là 6.624.708.514.381 đồng và bán hết toàn bộ số hàng này cho người mua với tổng doanh thu là 6.625.464.662.373 đồng chiếm 98,6% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023.

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	6.719.512.870.493	1.111.489.099.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	95.584.393	5.221.922.043
Cộng	6.719.608.454.886	1.116.711.021.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.750.976.520	34.364.050.884
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	903.855.653	1.101.008.991
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.045.583	7.485.944
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.237.948.764	37.628.204.289
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.944.037.124	70.214.265.905
Cộng	125.868.863.644	143.315.016.013

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.835.182	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	270.175.792	622.408.140
Lãi bán hàng trả chậm	16.656.312.833	9.999.000.000
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	195.339.270	-
Chi phí tài chính khác	68.254.769.085	23.270.745.982
Cộng	85.392.432.162	33.892.154.122

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	4.453.867.110	5.203.225.831
Chi phí vật liệu, bao bì	111.839.553	4.595.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.544.000	565.900.550
Khấu hao tài sản cố định	790.765.551	1.048.636.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.099.059.487	2.541.117.858
Chi phí bằng tiền khác	449.926.656	199.318.479
Cộng	7.908.002.357	9.562.794.277
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	10.325.466.906	14.127.256.364
Chi phí đồ dùng văn phòng	993.956.840	1.020.776.376
Khấu hao tài sản cố định	76.223.266	1.059.306.378
Thuế, phí, lệ phí	3.501.176.074	3.955.249.921
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	25.772.252.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.364.930.374	1.975.764.444
Chi phí bằng tiền khác	5.376.544.102	3.641.583.855
Cộng	22.638.297.562	51.552.189.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.788.820.292	51.492.909.225
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	35.237.948.764	39.061.129.768
- Lỗ của các chi nhánh	-	-
- Lợi nhuận, cổ tức được chia	35.237.948.764	37.628.204.289
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	1.432.925.479
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.807.441.669	9.569.194.932
- Chi phí không được trừ	1.807.441.669	9.569.194.932
Thu nhập chịu thuế	-	22.000.974.389
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.400.194.878

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.788.820.292	47.092.714.347
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.788.820.292	47.092.714.347
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	142.293.900	142.293.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	331

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.325.246.448	872.386.957
Chi phí nhân công	20.828.313.100	19.330.482.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.315.206.908	4.262.006.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.434.473.446	30.994.174.623
Hoàn nhập dự phòng	95.584.393	4.516.882.302
Chi phí khác bằng tiền	8.766.248.900	8.515.036.924
Cộng	54.765.073.195	68.490.969.959

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tổng Công ty điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	(785.329.899.694)	(784.446.488.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(883.411.106)
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	-	(51.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	(27.000.000.000)	24.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Tổng Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bất động sản T&T HOMES	Cùng Cổ đông lớn
Công ty Hợp sắt TOVECAN	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên Hiệp XNK và Đầu Tư Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty CP XNK Hạt Điều và Hàng NS Thực Phẩm TP HCM	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty

Giao dịch với các bên liên quan trong năm:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	6.624.708.514.381	-
Công ty Cổ phần Bất động sản T&T HOMES	-	23.994.603.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu Tư Việt Hà	5.431.294.240	5.412.827.355
Công ty Cổ phần Thực phẩm và NGK Dona Newtower	3.331.107.200	4.163.884.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.466.955.485.619	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.466.955.485.619	-
Phải trả người bán	16.323.113.046	25.547.682.922
Công ty Cổ phần Bất động sản T&T HOMES	16.323.113.046	25.547.682.922

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Hội đồng quản trị		
Mai Xuân Sơn	240.000.000	240.000.000
Vũ Đức Trung	120.000.000	120.000.000
Lưu Nguyễn Chí Nhân	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Việt Cường	120.000.000	120.000.000
Lê Anh Dũng	120.000.000	120.000.000
Ban Kiểm soát		
Nguyễn Mạnh Hoàng	60.000.000	120.000.000
Trần Văn Quỳnh	60.000.000	60.000.000
Đinh Thị Hào	60.000.000	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lê Anh Dũng	751.205.129	695.555.556
Cộng	1.651.205.129	1.655.555.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Công ty Rau quả, nông sản- Công ty Cổ phần hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh Bất động sản, kinh doanh rau quả, nông sản và trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.


Nguyễn Thị Linh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc